



lěng cáng

冷藏

verb · refrigerate; cold storage

Example Sentence

Niú nǎi xū yào lěng cáng bǎo cún
牛奶需要冷藏保存。

Milk needs to be kept refrigerated.

Trace each character, then write the word on your own.

冷	冷	冷	冷	冷	冷	冷	冷	冷	冷	
藏	藏	藏	藏	藏	藏	藏	藏	藏	藏	藏
藏	藏	藏	藏	藏	藏	藏	藏	藏		